

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 – 2009 và Năm 2009 (Từ 03-07-2009 đến 31-12-2009)

Đơn vị tính : Đồng Việt nam (VNĐ)

STT	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	QUÝ 4 - 2009	NĂM NAY (TỪ 03/07/2009 ĐẾN 31-12-2009)
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thu nhập lãi & các khoản thu nhập tương tự	VI.24	5,391,505,405,877	10,053,264,898,954
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.25	2,960,521,227,218	5,572,320,883,180
I	Thu nhập lãi thuần		2,430,984,178,659	4,480,944,015,774
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		285,130,739,721	482,151,946,078
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		65,015,417,151	106,626,078,953
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.26	220,115,322,570	375,525,867,125
III	Lãi /lỗ thuần từ h. động KD ngoại hối	VI.27	(26,606,841,571)	(25,455,018,593)
IV	Lãi /lỗ thuần từ mua bán CK K.doanh	VI.28		
V	Lãi /lỗ thuần từ mua bán C.khoán đầu tư	VI.29	1,720,440,167	(32,648,891,217)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		47,768,489,561	99,655,931,370
6	Chi phí hoạt động khác		12,973,719,887	17,749,718,418
VI	Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.31	34,794,769,674	81,906,212,952
VII	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	VI.30	(67,031,558,597)	17,863,441,403
VIII	Chi phí hoạt động	VI.32	2,116,775,324,518	3,475,781,436,373
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		477,200,986,384	1,422,354,191,071
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(82,777,577,664)	99,610,512,208
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		559,978,564,048	1,322,743,678,863
7	Chi phí thuế thu nhập hiện hành		(174,152,016,606)	203,687,834,910
8	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.33	(174,152,016,606)	203,687,834,910

XIII	Lợi nhuận sau thuế		734,130,580,654	1,119,055,843,953
XIV	Lợi ích của cổ đông tối thiểu			
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

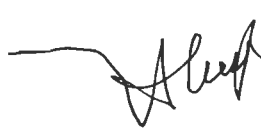
Hà nội, ngày 5 tháng 2 năm 2010

Lập bảng



Lê Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Mạnh